

Số: 32 /2019/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động  
của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;*

*Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh.*


**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2020 và thay thế Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Khóa XIV;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh: LĐVP, CVNCTH, Trung tâm TT-CB;
- Sở Tư pháp;
- VNPT ioffice;
- Lưu: VT. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Sơn**



**QUY CHẾ**

**Về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Giang**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 32 /2019/QĐ-UBND  
ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

b) Những nội dung không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các tổ chức tự quản ở thôn, tổ dân phố, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, những người hoạt động không chuyên trách và nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

b) Các cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

**Điều 2. Thôn, tổ dân phố**

1. Thôn được tổ chức ở xã, thị trấn; dưới xã, thị trấn là thôn.

2. Tổ dân phố được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là tổ dân phố.

3. Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn; nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hoạt động tự quản và tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

**Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố**

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

**Chương II  
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

#### **Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố**

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn; mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp cần thiết thì có 01 Phó Trưởng thôn, 01 Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn sau khi thống nhất với Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

#### **Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố**

1. Cộng đồng dân cư ở thôn, tổ dân phố bàn, quyết định chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc tự quản trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Cộng đồng dân cư tham gia bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định; tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các công việc của thôn, tổ dân phố và của cấp xã theo quy định của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

3. Xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; tham gia tự quản trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương, phòng, chống các tệ nạn xã hội.

4. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia, hưởng ứng các phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

#### **Điều 6. Hội nghị của thôn, tổ dân phố**

1. Thôn, tổ dân phố sinh hoạt định kỳ 03 tháng một lần (vào cuối các tháng 3, 6, 9, 12 hằng năm); cuộc họp vào tháng 6 đồng thời là hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm, cuộc họp vào tháng 12 đồng thời là hội nghị tổng kết cuối năm. Họp đột xuất theo yêu cầu nhiệm vụ hoặc theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền hoặc theo yêu cầu của trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

2. Khi tổ chức hội nghị, mời đại diện Chi ủy chi bộ, Ban công tác Mặt trận, các tổ chức đoàn thể, tổ chức tự quản ở thôn, tổ dân phố; Công an phụ trách khu vực; Tổ bảo vệ dân phố, Công an viên cùng tham dự. Thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình (phải là chủ hộ hoặc cử tri từ đủ 18 tuổi trở lên).

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố triệu tập và chủ trì các cuộc họp, đôn đốc các hộ gia đình tham gia đầy đủ các cuộc họp, cũng như thực hiện tốt các nghĩa vụ theo quy định; hội nghị được tiến hành khi có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

## **Điều 7. Hình thức tổ chức hội nghị của thôn, tổ dân phố**

1. Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố.

2. Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

3. Trường hợp tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình thì việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín; hình thức biểu quyết do hội nghị quyết định; nếu số người tán thành chưa đạt quá 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố thì tổ chức lại cuộc họp.

4. Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp thì phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

5. Đối với các công việc trong phạm vi cấp xã: Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

## **Điều 8. Nội dung tổ chức hội nghị thôn, tổ dân phố**

1. Trình tự tổ chức:

a) Công tác tổ chức: Điểm danh, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

b) Chủ trì cuộc họp giới thiệu thư ký cuộc họp, cử tri thống nhất biểu quyết.

c) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố (chủ trì cuộc họp) nêu mục đích, yêu cầu, nội dung của cuộc họp.

d) Triển khai quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản của cấp trên.

đ) Báo cáo tình hình chung và kết quả thực hiện nhiệm vụ của thôn, tổ dân phố trong kỳ; triển khai các nội dung cần lấy ý kiến thảo luận của nhân dân.

e) Những người tham gia cuộc họp thảo luận, phát biểu ý kiến.

g) Lãnh đạo cấp trên hoặc đại biểu phát biểu (nếu có).

h) Chủ trì cuộc họp tổng hợp chung các ý kiến của những người tham gia cuộc họp; giải đáp và đề xuất phương án giải quyết; thực hiện biểu quyết đối với các nội dung phải biểu quyết; việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay, cử tri biểu quyết lần lượt từng nội dung cần thông qua; thông báo ngay kết quả biểu quyết từng nội dung tại cuộc họp.

i) Những nội dung không thuộc thẩm quyền, chủ trì cuộc họp ghi nhận các ý kiến, kiến nghị của nhân dân và chịu trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn giải quyết; thông báo kết quả giải quyết tại cuộc họp gần nhất.

k) Thư ký thông qua biên bản cuộc họp (có Mẫu biên bản kèm theo).

2. Kết quả biểu quyết:

a) Nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì kết quả cuộc họp có giá trị thi hành. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lập biên bản và thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố về kết quả cuộc họp.

b) Trường hợp không đạt trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức lại cuộc họp.

c) Cách tính tỷ lệ biểu quyết: Số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố (gồm cả các cử tri, hộ gia đình vắng mặt).

### **Điều 9. Tiêu chuẩn, quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

#### **1. Về tiêu chuẩn:**

Ngoài quy định tại Điều 11, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; tiêu chuẩn đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phải xem xét, ưu tiên giới thiệu đối với những người có các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hiểu biết về lý luận chính trị, nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Có năng lực vận động nhân dân ở địa phương thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

c) Am hiểu và tôn trọng phong tục tập quán của cộng đồng dân cư trên địa bàn công tác, có năng lực để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

d) Có trình độ học vấn và chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại Điều 5, Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 11/4/2019 của UBND tỉnh quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 27/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Hà Giang.

2. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố: Thực hiện theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Mục 1, Chương II Hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).

3. Quy trình miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).

4. Quy trình bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).

## **Điều 10. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố**

1. Việc bầu trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành thống nhất trong toàn tỉnh và trong khoảng thời gian nhất định, từ đầu tháng 01 đến tháng 3 của năm sau khi kết thúc nhiệm kỳ cũ.

2. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 05 năm (năm năm). Nhiệm kỳ 5 năm bắt đầu thực hiện từ năm 2020 (nhiệm kỳ 2020 - 2025). Trường hợp thành lập thôn mới, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời; trong thời hạn không quá 6 tháng kể từ ngày có quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định.

3. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

## **Điều 11. Điều kiện thành lập thôn, tổ dân phố mới**

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

## **Điều 12. Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố**

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

## **Điều 13. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn, tổ dân phố mới**

1. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước ở địa phương, căn cứ quy định tại Điều 11 Quy chế này, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin chủ trương về thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

Tờ trình gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xin chủ trương cần nêu rõ lý do, sự cần thiết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới, đặc điểm kinh tế - xã hội, số hộ gia đình, số nhân khẩu của thôn mới, tổ dân phố mới và số hộ, số nhân khẩu còn lại của thôn, tổ dân phố hiện có.

2. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh có chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. Nội dung chủ yếu của Đề án bao gồm:

a) Sự cần thiết phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

b) Tên gọi thôn mới, tổ dân phố mới.

c) Dự kiến vị trí nơi đặt trụ sở thôn mới, tổ dân phố mới.

d) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn mới, tổ dân phố mới.

đ) Các điều kiện khác quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

e) Đề xuất, kiến nghị.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới về Đề án; tổng hợp các ý kiến và lập biên bản lấy ý kiến về Đề án (nêu rõ tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình; số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành Đề án).

4. Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua tại kỳ họp gần nhất.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình (kèm theo 02 bộ hồ sơ thành lập thôn, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã), gửi Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn thẩm định của Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6. Căn cứ vào hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

#### **Điều 14. Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố**

1. Quy trình và hồ sơ sáp nhập thôn, tổ dân phố được áp dụng thực hiện như quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới quy định tại Điều 13 Quy chế này.

2. Chuyển thôn thành tổ dân phố: Trường hợp thành lập phường, thị trấn hoặc điều chỉnh địa giới hành chính từ đơn vị hành chính xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thì chuyển các thôn hiện có của xã thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn; đối với các thị trấn hiện nay còn các tổ chức thôn trực thuộc, Ủy ban nhân dân các huyện chỉ đạo rà soát, nếu đủ điều kiện thì hướng dẫn Ủy ban nhân dân thị trấn xây dựng Đề án chuyển các thôn thành các tổ dân phố (trừ thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được cấp có thẩm quyền công nhận). Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển thôn thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn.

Quy trình và hồ sơ cụ thể như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ gồm:

- Tờ trình kèm theo danh sách các thôn đề nghị chuyển thành tổ dân phố.
- Bản sao Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (hoặc Quyết định của Chính phủ trước đây) về thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình kèm theo hồ sơ gửi Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh thẩm định.

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban cấp huyện chuyển đến, Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển thôn thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn.

3. Trường hợp giải thể và đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố: Thực hiện theo quy định tại Khoản 7, Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

### **Điều 15. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có**

1. Trường hợp cộng đồng dân cư mới hình thành không đủ điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới theo quy định tại Điều 3 và Điều 11 Quy chế này thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo xin chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp huyện việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố liền kề hiện có.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện thỏa thuận, thống nhất với Trưởng Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh và quyết định về chủ trương ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có. Sau khi có quyết định về chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

a) Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

b) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, tổ dân phố sau khi ghép.

c) Đề xuất, kiến nghị.

3. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cử tri về Đề án, hoàn chỉnh hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua và ban hành quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 5, Điều 9 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có của Ủy ban nhân dân cấp xã, cụ thể: Đề án theo quy định tại Khoản 2 Điều này; tổng hợp các ý kiến và biên bản lấy ý kiến của cử tri về Đề án, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã (theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố).

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện về Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh để tổng hợp, theo dõi.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức**

#### **1. Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh:**

a) Thẩm định, tham mưu việc thành lập, sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

b) Kịp thời báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện Quy chế này và các quy định khác của pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phối hợp với Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc chỉ đạo, hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định.

#### **3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:**

a) Chỉ đạo rà soát, xác định những thôn, tổ dân phố có đủ điều kiện thuận lợi để thực hiện sáp nhập; khuyến khích việc sáp nhập thôn, tổ dân phố nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các thôn, tổ dân phố; báo cáo việc thực hiện ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố (nếu có) theo quy định.

b) Hướng dẫn, chỉ đạo cấp xã triển khai việc kiêm nhiệm, kiện toàn các chức danh ở thôn, tổ dân phố theo quy định, nhằm đảm bảo chất lượng hoạt động của các chức danh không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

c) Thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy chế này, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Quy chế này về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh để tổng hợp) trước ngày 31/12 hằng năm.

#### **4. Ủy ban nhân dân cấp xã:**

a) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt Quy chế này và các quy định khác của pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

b) Quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và các tổ chức tự quản khác ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn quản lý.

c) Quyết định công nhận kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố và các chức danh khác theo quy định.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời theo quy định.

#### **Điều 17. Điều khoản thi hành**

1. Trường hợp các văn bản, quy định được viện dẫn trong Quy chế này có sự thay đổi, sửa đổi, bổ sung hoặc bị thay thế thì áp dụng theo các văn bản, quy định mới ban hành (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác).

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh để được hướng dẫn hoặc tổng hợp, tham mưu đề xuất) xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Sơn**

UBND .....  
**THÔN (TỔ DÂN PHỐ).....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **BIÊN BẢN HỌP THÔN/TỔ DÂN PHỐ**

Về việc .....

Thời gian bắt đầu: Vào lúc ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm .....

Địa điểm:.....

Thành phần tham dự: .....

Tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong tổ dân phố (thôn):.....

Số cử tri đại diện hộ gia đình vắng mặt:.....

Có lý do:..... Không có lý do:.....

Chủ trì:.....

Thư ký:.....

Nội dung:

1. Tổ trưởng tổ dân phố (Trưởng thôn) tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp .....

2. Tổ trưởng tổ dân phố (Trưởng thôn) trình bày những nội dung cần đưa ra để cuộc họp xem xét.....

3. Những người tham gia cuộc họp thảo luận:.....

4. Ý kiến của đại biểu (nếu có).....

5. Tổ trưởng tổ dân phố (Trưởng thôn) tổng hợp chung các ý kiến của những người tham gia cuộc họp; đề xuất phương án biểu quyết.....

6. Các kết quả biểu quyết thông qua hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín:...

Cuộc họp kết thúc vào lúc ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm .....

**THƯ KÝ**

(ký, ghi rõ họ và tên)

**CHỦ TRÌ**

(ký, ghi rõ họ và tên)